|  |
| --- |
| **VIỆT NAM**  **Bộ Tài chính** |

|  |  |
| --- | --- |
| **0. Những yêu cầu tiên quyết của chất lượng** | |
| **01. Môi trường pháp lý** | **0.1.1. Trách nhiệm thu thập, xử lý, và phổ biến số liệu thống kê** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 có nội dung quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thu thập, xử lý và phổ biến số liệu thống kê. Các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thống kê quy định chi tiết về nội dung này bao gồm:  + Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.  + Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.  + Thông tư số 65/2018/TT-BTC ngày 31/7/2018 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính.  + Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài chính quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính.  - Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (Luật NSNN số 83/2015/QH13) đã được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015, có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017 (thay thế Luật NSNN năm 2002). Điều 26 Luật NSNN quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính, gồm: Lập, trình Chính phủ dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW, dự toán điều chỉnh NSNN trong trường hợp cần thiết. Tổ chức thực hiện NSNN; thống nhất quản lý và chỉ đạo công tác thu thuế, phí, lệ phí, các khoản vay và thu khác của ngân sách, các nguồn viện trợ quốc tế; tổ chức thực hiện chi NSNN theo đúng dự toán được giao. Tổng hợp, lập quyết toán NSNN trình Chính phủ. Thực hiện công khai NSNN theo quy định.  - Các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật NSNN quy định về quy trình ngân sách và hệ thống chỉ tiêu báo cáo gồm:  + Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.  + Nghị quyết số 343/2017/NQ-UBTVQH14 ngày 19/01/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về việc lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính- NSNN 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.  + Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.  + Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.  + Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.  + Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.  + Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.  + Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.  - Luật Quản lý Nợ công số 20/2017/QH14.  - Luật Chứng khoán số số 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12.  - Hiện nay, Bộ Tài chính đang dự thảo quy chế phổ biến thông tin thống kê tài chính. |
|  | **0.1.2. Chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan tổng hợp số liệu** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Việc chia sẻ thông tin và quy chế phối hợp chung giữa TCTK với các Bộ, ngành đã được chính thức hóa bằng Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia; Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia**.**  - Việc chia sẻ thông tin, số liệu về công khai ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Luật NSNN 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN (từ Điều 46 đến Điều 52).  - Chế độ báo cáo về công khai ngân sách nhà nước được quy định cụ thể tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC (đối với các cấp ngân sách); Thông tư số 61/2017/TT-BTC (đối với các đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được NSNN hỗ trợ). Theo đó:  + Các đơn vị dự toán cấp trên, các tổ chức được NSNN hỗ trợ cấp trên có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện công khai và số liệu công khai dự toán, quyết toán của các đơn vị trực thuộc đã được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt.  + Cơ quan tài chính cấp trên có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện công khai và số liệu công khai dự toán, quyết toán của cấp dưới trực tiếp và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.  + Bộ Tài chính tổng hợp số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.  - Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.  - Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 65/2018/TT-BTC ngày 31/7/2018 quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài chính và Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019 quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính  - Quy chế phối hợp số 11260/QCPH-BTC-BKHĐT ngày 17/9/2018 về việc trao đổi thông tin, dữ liệu giữa Bộ Tài chính và Bộ kế hoạch và Đầu tư.  - Hiện nay, Bộ Tài chính đang dự thảo quy chế phổ biến thông tin thống kê tài chính. |
|  | **0.1.3. Vấn đề bảo mật thông tin của đối tượng cung cấp tin** |
|  | **Bộ Tài chính**  Luật Thống kê (Điều 57) quy định thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân (trừ trường hợp tổ chức cá nhân đó đồng ý hoặc luật có quy định khác) là thông tin thống kê nhà nước phải được giữ bí mật. Điều 33 của Luật Thống kê quy định tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê có quyền được bảo đảm bí mật thông tin đã cung cấp cho điều tra viên thống kê.  Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ cũng đã quy định về xử phạt hành chính đối với hành vi tiết lộ thông tin báo cáo thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cá nhân, tổ chức khi chưa được sự đồng ý của cá nhân, tổ chức đó (Điều 15).  Riêng đối với ngành Tài chính, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 59/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 công bố danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Tài chính. Đồng thời, Bộ Công an cũng ban hành Thông tư số 56/2013/TT-BCA ngày 13/11/2013 quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Tài chính. Ngày 31/10/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 161/2014/TT-BTC quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước ngành tài chính.  Luật NSNN 2015 (Tiết a Khoản 1 Điều 15) quy định không công khai số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia. |
|  | **0.1.4. Đảm bảo việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Mục 1 và Mục 3, chương III Luật Thống kê về điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê đã quy định trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo thống kê của các cơ quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê.  - Nghị định số 95/2016/NĐ-CP cũng đã quy định xử phạt hành chính đối với tổ chức, cá nhân vi phạm vấn đề này (Điều 5, điều 6, điều 7, điều 8, điều 9, điều 10).  - Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ về việc quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ  - Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019 quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính .  - Bộ Tài chính đã và đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập thông tin thông kê theo Thông tư số 02/2019/TT-BTC; xây dựng ứng dụng Kho dữ liệu về ngân sách nhà nước, hỗ trợ tổng hợp thông tin nhanh chong; Các đơn vị có hệ thống cũng có hệ thống thông tin để phục vụ công tác thống kê chuyên ngành.  - Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31/12/2015 Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - kế hoạch thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong đó nêu rõ Phòng Tin học và Thống kê là một phòng thuộc cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính. |
| **0.2. Các nguồn lực** | **0.2.1. Cán bộ, trang thiết bị, máy tính và tài chính** |
|  | **Bộ Tài chính**  Số lượng cán bộ làm công tác thống kê tại Bộ Tài chính gồm 32 cán bộ chuyên trách và 102 cán bộ kiêm nhiệm.  Máy tính phục vụ công tác biên soạn số liệu đảm bảo 01 máy tính/công chức làm nhiệm vụ biên soạn số liệu thống kê tài chính. Hệ thống mạng internet và mạng LAN của Bộ Tài chính đã phục vụ tốt cho việc trao đổi, tiếp nhận dữ liệu trong nội bộ từng cơ quan và giữa Bộ Tài chính với các cơ quan Bộ, ngành khác thuộc Chính phủ. Biên soạn số liệu thống kê tài chính chủ yếu thực hiện bằng bảng tính EXCEL, chưa có phần mềm chuyên dụng cho việc biên soạn và phân tích số liệu thống kê tài chính. Trang thiết bị, cơ sở vật chất như phòng làm việc, hệ thống ánh sáng, điện thoại và các thiết bị khác được trang bị tương đối đầy đủ, ngày càng tốt hơn.  Kinh phí cho hoạt động thống kê của Bộ Tài chính được bố trí trong kinh phí hoạt động của Bộ Tài chính và kinh phí hoạt động của các hệ thống thuộc Bộ như Kho bạc nhà nước, Thuế, Hải quan, Chứng khoán,…Ngân sách thường xuyên cho việc biên soạn số liệu thống kê tài chính(lương, phụ cấp, điện, nước, văn phòng phẩm…) theo chế độ do ngân sách nhà nước đảm bảo.  - Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31/12/2015 Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - kế hoạch thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong đó nêu rõ Phòng Tin học và Thống kê là một phòng thuộc cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính.  - Bộ Tài chính đã và đang xây dựng các hệ thống thông tin thống kê phục vụ công tác quản lý điều hành của toàn ngành cũng như quản lý chuyên ngành, trong đó có công tác thống kê. |
| 1. **Tính thống nhất** | |
| **1.1. Tính chuyên môn** | **1.1.1. Nguyên tắc khách quan và không thiên vị** |
|  | Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê nhà nước được quy định tại Điều 5 Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 gồm: Trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ kịp thời (tiết a, khoản 1); độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê (tiết b, khoản 1);  Ngoài ra, tại Điều 10 của Luật có nội dung quy định nghiêm cấm các hành vi: khai man, làm sai lệch dữ liệu thông tin thống kê (tiết b khoản 1); can thiệp, ép buộc, áp đặt, mua chuộc, đe dọa, dụ dỗ người khác khai man, làm sai lệch dữ liệu, thông tin thống kê và sử dụng thông tin thống kê (tiết c điều 1); báo cáo, công bố, phổ biến thông tin thống kê không chính xác (tiết đ khoản 1); tiết lộ thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước, dữ liệu, thông tin chưa được công bố (tiết e Điều 10)  Điều 66 Luật Thống kê quy định người làm công tác thống kê độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động thống kê  Hoạt động thống kê của Bộ Tài chính tuân thủ theo nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê nhà nước Việt Nam được quy định tại các văn bản trên |
|  | **1.1.2. Lựa chọn các nguồn số liệu, phương pháp luận và hình thức phổ biến thông tin** |
|  | **Bộ Tài chính**  Nguồn số liệu để biên soạn các chỉ tiêu thống kê tài chính đã được qui định rõ trong Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy địnhnội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia; Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 17/02/2014của Thủ tướng Chính phủ;Quyết định số 2331/QĐ-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ Tài chính về hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo thống kê đã đưa ra một số khái niệm, phương pháp tính đối với các chỉ tiêu thống kê tài chính.  Việc phổ biến thông tin thống kê cũng được qui định rõ trong Luật Thống kê (Điều 49) và Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 (từ Điều 3 đến điều 9) và các quy định vềcông khai tài chính hiện hành. |
|  | **1.1.3. Đưa ý kiến khi số liệu thống kê bị hiểu sai và sử dụng sai** |
|  | **Bộ Tài chính**  Việc phổ biến thông tin, khái niệm, định nghĩa, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu của một số chỉ tiêu thống kê trong hệ thống thống kê tài chínhđược quy định tạiQuyết định số 2331/QĐ-BTC ngày 04/10/2011. Điều này giúp người khai thác không hiểu saidữ liệu, số liệu thống kê về tài chính.  - Trường hợp nhận được thông tin, tài liệu, báo cáo sai lệch ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh Việt Nam của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chủ động cung cấp những tư liệu, tài liệu, hồ sơ, lập luận nhằm giải thích, làm rõ (theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại). |
| **1.2. Tính minh bạch** | **1.2.1. Công bố các điều khoản và điều kiện để thực hiện thu thập, xử lý và phổ biến số liệu thống kê** |
|  | **Bộ Tài chính**  1. Ngoài các văn bản quy định về các điều khoản và điều kiện thực hiện thu thập, xử lý và phổ biến số liệu thống kê đã được Chính phủ, Tổng cục Thống kê quy định, Bộ Tài chính đăng tải trên Cổng thông tin của Bộ Tài chính các văn bản quy định về thực hiện công khai ngân sách nhà nước, về chế độ báo cáo và công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các doanh nghiệp nhà nước, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN,… như:  - Luật NSNN năm 2015  - Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN  - Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách (Thay thế Thông tư số 03/2005/TT-BTC)  - Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (thay thế Thông tư số 21/2005/TT-BTC)  - Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.  - Thông tư số 65/2018/TT-BTC ngày 31/7/2018 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính.  - Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài chính quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính.  - Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai thông tin tài chính theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước.  - Thông tư số 10/2005/TT-BTC ban hành ngày 02/02/2005 hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.  - Thông tư số 19/2005/TT-BTC ban hành ngày 11/3/2005 hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.  - Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân, dân cư.  - Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.  - Quyết định số 749/QĐ-BTC ngày 7/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc cung cấp số liệu ngân sách nhà nước cho các tổ chức tài chính - tiền tệ Quốc tế và các nước đối tác.  2. Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật liên quan đến nội dung công khai ngân sách nhà nước, đã quy định các điểm mới như sau:  - Công khai số liệu và thuyết minh dự toán trình Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.  - Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách nhà nước các cấp theo quý, 6 tháng, năm.  - Bên cạnh đó, Điều 16 Luật NSNN quy định về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong giám sát thực hiện ngân sách và tình hình thực hiện công tác công khai ngân sách Nhà nước các cấp.  3. Luật Quản lý Nợ công số 20/2017/QH14.  4. Luật Chứng khoán số số 70/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12. |
|  | **1.2.2. Quyền tiếp cận số liệu thống kê trước khi công bố của nội bộ các cơ quan chính phủ** |
|  | **Bộ Tài chính**  Đối với cơ quan Bộ Tài chính, việc khai thác thông tin trước khi công bố công khai được phân quyền khai thác cho các Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo các Vụ, Cục, các Tổng cục Thuộc Bộ Tài chính.  Đối với các cơ quan thuộc Chính phủ, số liệu về ngân sách nhà nước sau khi Bộ Tài chính trình Chính phủ được chia sẻ cho một số cơ quan Chính phủ, phục vụ cho việc quản lý điều hành kinh tế vĩ mô chung.  Các cơ quan của Văn phòng Chính phủ và các Uỷ ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội sẽ được tiếp cận thông tin trước khi được công bố. |
|  | **1.2.3. Các sản phẩm thống kê thuộc thẩm quyền** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Hệ thống thông tin, báo cáo tài chính – NSNN được xây dựng và sử dụng thống nhất phục vụ báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan.  - Báo cáo đánh giá hoạt động ngân sách nhà nước được báo cáo hàng tháng cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và một số các cơ quan Chính phủ.  - Thông tin công khai ngân sách theo quy định được công bố định kỳ hàng quý, năm trên Cổng thông tinđiện tử của Bộ Tài chính, định kỳ năm trên Cổng thông tinđiện tử của Chính phủ.  - Thông tin ngân sách hàng năm được công bố vắn tắt trên Niên giám thống kê hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng Cục thống kê);  - Ngoài ra còn có: Báo cáo thường niên Bộ Tài chính, Niên giám thống kê Bộ Tài chính, Niên giám thống kê hải quan, Niên giám Thị trường Bảo hiểm Việt Nam, Bản tin Nợ công, Báo cáo thường niên của Ủy ban chứng khoán. |
|  | **1.2.4. Thông báo trước về những thay đổi lớn trong phương pháp luận, nguồn số liệu và các kỹ thuật thống kê** |
|  | **Bộ Tài chính**  Các chú thích vắn tắt các thay đổi lớn về phương pháp luận được thông báo trực tiếp cho những người sử dụng thường xuyên số liệu. Các thay đổi lớn trong phương pháp luận được thông báo trước (thông qua việc ban hành quy chế công khai sửa đổi).  Luật NSNN ban hành năm 2015 và có hiệu lực kể từ năm 2017, Luật Quản lý Nợ công 2017 đã cho thấy những thay đổi về phạm vi, phương pháp luận của dữ liệu so với quy định cũ. |
| **1.3. Các tiêu chuẩn đạo đức** | **1.3.1. Những chỉ dẫn về hành vi của cán bộ** |
|  | **Bộ Tài chính**  Phẩm chất, đạo đức người làm công tác thống kê được quy định tại Điều 66 Luật Thống kê: người làm công tác thống kê phải có phẩm chất đạo đức ntốt, trung thực, khách quan, có ý thức chấp hành pháp luật”. |
| **2. Phương pháp luận** | |
| **2.1. Các định nghĩa và khái niệm (Bắt buộc)** | **2.1.1. Cấu trúc chung về khái niệm và định nghĩa tuân theo các chuẩn mực, hướng dẫn và cách thực hành tốt đã được quốc tế công nhận.** |
|  | Từ năm 2017, công tác quản lý ngân sách được thực hiện theo Luật NSNN năm 2015, theo đó khái niệm, phạm vi, chỉ tiêu thu - chi ngân sách gần với thông lệ quốc tế hơn.  Số liệu về các hoạt động ngân sách của Chính phủ Việt Nam (ngân sách nhà nước) do Vụ Ngân sách nhà nước- Bộ Tài chính biên soạn. Số liệu này không bao gồm các hoạt động của các quỹ ngoài ngân sách, cũng như không bao gồm các hoạt động bán tài khóa được thực hiện thông qua các DNNN (Nhà nước không tài trợ cho các DNNN);  Các bảng quản lý ngân sách: Một bộ các bảng số liệu sơ bộ về việc thực hiện ngân sách nhà nước hàng tháng, hàng quý và hàng năm do Vụ Ngân sách nhà nước biên soạn dựa trên các báo cáo từ Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Hải quan; Tổng cục Thuế; Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;  Khuôn khổ để quản lý ngân sách và thâm hụt ngân sách được tính là các khoản thu (thu thuế, phí, các khoản viện trợ) trừ đi các khoản chi (bao gồm cả trả lãi, phí tiền vay). Bù đắp bội chi ngân sách là các khoản vay trong nước và vay ngoài nước (không bao gồm các khoản vay về cho vay lại). Vay bù đắp bội chi NSNN chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.  Các bảng cung cấp cho các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ: Các bảng số liệu ước thực hiện hàng quý, hàng năm do Vụ Ngân sách nhà nước biên soạn. Khuôn khổ bộ các bảng số liệu này phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về thống kê tài chính Chính phủ cho phân tích kinh tế vĩ mô.  Số liệu được trình bày theo khung sau đây:  A. Tổng thu và viện trợ  1. Thuế và phí 2. Thu về vốn 3. Thu viện trợ  B. Tổng chi ngân sách nhà nước  Trong đó:  1. Chi thường xuyên  2. Chi đầu tư phát triển  C. Bội chi ngân sách nhà nước  Bội chi so GDP (%)  D. Chi trả nợ gốc  Các bảng này (ước thực hiện hàng quý và hàng năm) được công bố cho các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ. |
| **2.2. Phạm vi** | **2.2.1. Phạm vi** |
|  |  |
|  | **2.2.1.1. Phạm vi của số liệu** |
|  | **Bộ Tài chính**  Điều 5 Luật NSNN 2015 quy định phạm vi NSNN gồm: Thu NSNN, chi NSNN, Bội chi NSNN, tổng mức vay của NSNN, bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc của NSNN. Nghị định số 163/2015/NĐ-CP có các Điều từ Điều 2 đến Điều 5 quy định chi tiết về phạm vi NSNN.  Phạm vi thu NSNN:  - Quy định rõ lệ phí nộp toàn bộ vào NSNN (như đối với thuế);  - Đối với phí thu từ các hoạt động dịch vụ do Nhà nước đầu tư và thực hiện thì nộp toàn bộ vào NSNN (có áp dụng khấu trừ); do đơn vị sự nghiệp công lập và DNNN thì được phép trích lại, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách;  - Đối với khoản thu từ hoạt động XSKT: NSĐP được hưởng 100%, đồng thời không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia và xác định số bổ sung cân đối.  Phạm vi chi NSNN: Quy định khoản chi từ nguồn thu XSKT, chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ được đưa vào cân đối chi NSNN.  Bội chi NSNN:  - Bội chi NSNN bao gồm bội chi NSTW và bội chi NSĐP cấp tỉnh. Bội chi NSTW được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi NSTW không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu NSTW. Bội chi NSĐP cấp tỉnh do Quốc hội quyết định, là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương.  - Về chi trả nợ gốc tiền vay NSNN:  Chi trả nợ gốc không phải là khoản chi cân đối của NSNN, nguồn chi trả từ các khoản vay để trả nợ gốc vay của NSNN, bội thu NSNN, tăng thu, tiết kiệm chi so với dự toán trong quá trình chấp hành NSNN, kết dư ngân sách (Điều 7, Điều 59 và Điều 72). Khoản trả nợ gốc được Quốc hội, HĐND cấp tỉnh quyết định hàng năm.  *Như vậy,* Luật NSNN 2015 đã đưa ra phạm vi ngân sách phù hợp hơn với thông lệ quốc tế:thu chi từ xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ được đưa vàocân đối ngân sách thay vì để dưới dòng như Luật NSNN năm 2002. Qua đó, phản ánh đúng và đủ số bội chi ngân sách từ nguồn phát hành trái phiếu Chính phủ. Ngoài ra, việc loại bỏ chi trả nợ gốc khỏi tổng chi, cũng đã khiến bội chi NSNN của Việt Nam sát hơn với các phân loại của thông lệ quốc tế (GFSM1986). Bội chi ngân sách cấp tỉnh cũng được phản ánh trong tổng số bội chi ngân sách nhà nước, phản ánh đủ, thực chất bội chi ngân sách theo thông lệ quốc tế.  Bên cạnh đó, Luật NSNN cũng quy định các quỹ ngoài ngân sách phải được báo cáo kèm với báo cáo ngân sách trình Quốc hội. |
|  | 2.2.1.2. Những trường hợp ngoại lệ |
|  |  |
|  | 2.2.1.3. Những hoạt động không được ghi chép |
|  | Các hoạt động trái với với quy định của Luật pháp Việt Nam. |
| **2.3. Phân loại/ phân ngành** | **2.3.1. Phân loại/phân ngành** |
|  | **Bộ Tài chính**  1. Công khai quốc tế:các biểu số liệu theo quy định tại Quyết định số 749/QĐ-BTC ngày 7/3/2005  - Về phân tổ  +Phân tổ được trình bày trong các bảng số liệu ước thực hiện hàng quý và hàng năm này nhìn chung phù hợp với Cẩm nang Thống kê Tài chính Chính phủ (GFSM1986) tuy vẫn chưa thực sự phân loại chi tiết giống với GFSM1986.+ Các khoản thu được phân tổ vào mục thu thuế và phí (được phân nhỏ thành các khoản thuế chủ chốt), thu quyền sử dụng đất, bán nhà và các khoản viện trợ không hoàn lại.  + Các khoản chi được phân tổ chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên (bao gồm cả chi trả lãi)  - Về kỳ thống kê: Thống kê NSNN theo phân tổ quốc tế (GFS) được thực hiện theo quý và năm, trong đó thống kê theo năm được thực hiện theo 4 giai đoạn theo 4 giai đoạn (1) Dự toán NSNN; (2) Ước tính thực hiện NSNN lần 1 (được Chính phủ báo cáo Quốc hội vào kỳ họp cuối năm kế hoạch); (3) Đánh giá sơ bộ thực hiện NSNN lần 2 (được Chính phủ báo cáo Quốc hội vào kỳ họp đầu năm sau); (4) quyết toán NSNN.  2. Công khai trong nước: các biểu số liệu công khai ngân sách nhà nước (áp dụng từ năm ngân sách 2017) theo qui định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước của các cấp ngân sách bao gồm:  - Hệ thống biểu công khai số liệu dự toán NSNN và phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội (11 biểu)  - Hệ thống biểu công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định (11 biểu)  - Hệ thốngbiểu công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm) đã được báo cáo Chính phủ (03 biểu)  - Hệ thống biểu công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn(7 biểu)  Trong đó: Các khoản thu bao gồm thu nội địa, thu từ dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ; các khoản chi bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; bội chi ngân sách gồm bội chi NSTW và bội chi NSĐP; chi trả nợ gốc; tổng mức vay của NSNN. |
| **2.4. Cơ sở để ghi chép** | **2.4.1. Giá trị** |
|  | **Bộ Tài chính**  Trong tất cả 3 bộ số liệu, các giao dịch bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hạch toán của BTC cho ngân sách nhà nước trong tháng hoặc quý đó. BTC ấn định tỷ giá hàng tháng dựa trên tỷ giá  hối đoái liên ngân hàng.  Các đợt phát hành trái phiếu Chính phủ được hạch toán theo khối lượng mệnh giá. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng hiện vật do cơ quan thụ hưởng viện trợ trực tiếp sử dụng được BTC định giá dựa trên giá trị thị trường. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng hiện vật được bán đấu giá theo đề xuất của nhà tài trợ. |
|  | **2.4.2. Cơ sở ghi chép** |
|  | **Bộ Tài chính**  Các bảng quản lý ngân sách: Đối với số liệu sơ bộ (hàng tháng, hàng quý, hàng năm), các khoản thu nhập và các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền mặt được hạch toán khi nhận được tiền mặt. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng hiện vật do cơ quan thụ hưởng trực tiếp sử dụng được hạch toán khi khách hàng nhận được khoản viện trợ, là thời gian hiện vật đưa vào trong nước. Chi phí thường xuyên được trả thông qua chuyển giao (khi chi phí đã được cam kết và tất cả những chứng từ hỗ trợ đã được nộp) và các khoản tạm ứng (khi chưa có các chứng từ hỗ trợ) của Kho bạc Nhà nước cho các cơ quan thực hiện chi tiêu được hạch toán khi tiền được rút từ tài khoản Kho bạc để thanh toán cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ hoặc chi qua đơn vị sử dụng ngân sách (đối với trường hợp Kho bạc Nhà nước chưa thanh toán trực tiếp được với người cung cấp hàng hoá và dịch vụ). Thời điểm này không nhất thiết phải trùng hợp tương xứng với thanh toán tiền mặt của các cơ quan thực hiện chi tiêu.  Chi phí thường xuyên được quản lý thông qua các lệnh thanh toán (giống như các lệnh của các chương trình đặc biệt) được hạch toán khi những lệnh này được thực hiện. Chi lãi và thanh toán lại các khoản nợ gốc được hạch toán trên cơ sở tiền mặt. Đối với cho vay tài trợ trực tiếp mua hàng hoá và dịch vụ thì chi và giải ngân được hạch toán khi Cục QLN&TCĐN của BTC được chủ nợ giải ngân thông báo (không phải ngày giải ngân).  Số liệu hạch toán được thực hiện trên cơ sở tiền mặt.  Không thực hiện các điều chỉnh đối với cả số liệu sơ bộ và số liệu hạch toán cho thời kỳ bổ sung trong thời gian thanh toán cho các khoản chi đã được chuẩn bị có thể được thực hiện.  Các bảng cung cấp cho các Tổ chức Quốc tế và các nhà tài trợ:  thời gian hạch toán như các báo cáo quản lý ngân sách.  Số liệu công bố ra công chúng:  Khoản thu được hạch toán trên cơ sở tiền mặt, khi các khoản thu được thực hiện. Khoản chi được hạch toán khi khoản thanh toán được thực hiện. Khoản chi được tài trợ bằng các đợt giải ngân trực tiếp từ ODA (Hỗ trợ phát triển chính thức) được Cục QLN&TCĐN lập lệnh GTGC trực tiếp gửi KBNN. KBNN chịu trách nhiệm cung cấp cho vụ NSNN số liệu hạch toán vốn vay và viện trợ. Viện trợ không hoàn lại bằng hiện vật cho cơ quan thụ hưởng sử dụng trực tiếp được hạch toán khi hiện vật đưa vào trong nước.  Các khoản được kiểm toán: Trong tất cả 3 bộ số liệu, các số liệu hạch toán hàng năm phù hợp với các tài khoản được kiểm toán. Các tài khoản của ngân sách nhà nước được kiểm toán một cách có lựa chọn bởi Kiểm toán Nhà nước. |
|  | **2.4.3. Tính gộp hoặc tính thuần** |
|  |  |
| **3. Tính chính xác và độ tin cậy của số liệu** | |
| **3.1. Số liệu nguồn** | **3.1.1. Chương trình thu thập số liệu nguồn** |
|  | **Bộ Tài chính**  Các bảng quản lý ngân sách:  Nguồn cơ bản cho phần lớn số liệu được lấy từ Kho bạc Nhà nước.Đối với số liệu cho vay nước ngoài và khoản chi vốn do nước ngoài tài trợ, các khoản viện trợ không hoàn lại do Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại của BTC là nguồn cơ bản.Số liệu quyết toán năm được tổng hợp từ báo cáo quyết toán của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương, báo cáo của Kho bạc nhà nước.  Các bảng cung cấp cho các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ:  Các bảng số liệu hàng quý và hàng năm được lập từ các nguồn giống nhau như số liệu quản lý ngân sách.  Công bố số liệu ra công chúng: Nguồn số liệu từ các báo cáo chính thức đã được báo cáo, trình cấp có thẩm quyền.  Đóng tài khoản:  Đến cuối năm (ngày 31 tháng 12), các cơ quan chi tiêu khoá sổ kế toán cuối năm tất cả các khoản chi được phép thanh toán trong năm ngân sách. Có một thời gian chỉnh lý quyết toán là thời gian để điều chỉnh sổ sách. Thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước kết thúc vào ngày 31 tháng 01 năm sau được quy định tại Khoản 2, Điều 64, Luật NSNN năm 2015”.  Số liệu trong 3 bộ bảng không được thực hiện một điều chỉnh cho bất kỳ bổ sung khi tiếp tục thực hiện các khoản thanh toán.  Bộ Tài chính đã có các ứng dụng hỗ trợ thu thập, tổng hợp thông tin thống kê như: Hệ thống thông tin thống kê, Hệ thống thông tin ngân sách nhà nước, các hệ thống dữ liệu chuyên ngành khác. |
|  | **3.1.2. Các định nghĩa, phạm vi, phân loại, định giá và thời gian thu thập số liệu nguồn** |
|  | **Bộ Tài chính**  Luật NSNN năm 2015: Số liệu thống kê tài chính đã được định nghĩa,cóphạm vi, phân loại,định giá và thời gian thu thập số liệu về cơ bản tuân thủ theo tiêu chuẩn thống kê tài chính và SNA và phạm vi, phân loại ngân sách cơ bản phù hợp với thông lệ quốc tế (GFS); |
|  | **3.1.3. Tính kịp thời của số liệu nguồn** |
|  | Tính kịp thời của số liệu nguồn đã được qui định cụ thể theo quy chế về thông tin và thống kê tài chính và quy định theo chế độ báo cáo của Chính phủ, của ngành tài chính. |
| **3.2. Đánh giá nguồn số liệu** | **3.2.1. Đánh giá nguồn số liệu** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Số liệu sơ bộ hàng tháng, quý, năm được lấy từ Kho bạc nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan (là các cơ quan chịu trách nhiệm về quản lý thu chi NSNN). Đối với số liệu về vay, trả nợ và viện trợ của nước ngoài do Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại của Bộ Tài chính cung cấp – là cơ quan chịu trách nhiệm về quản lý nợ công.  - Số liệu quyết toán năm được tổng hợp từ báo cáo quyết toán của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đã được cơ quan tài chính thẩm định và HĐND các cấp phê chuẩn. |
| **3.3. Kỹ thuật thống kê** | **3.3.1. Các kỹ thuật thống kê số liệu nguồn** |
|  | **Bộ Tài chính**  Thủ tục lập số liệu sơ bộ: Các bảng số liệu sơ bộ (hàng tháng, hàng quý, hàng năm) được lập trước khi kết thúc kỳ tham chiếu.  Tổng hợp: Cả số liệu sơ bộ và số liệu hạch toán được tổng hợp đã loại trừ thu chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách.  Kiểm tra chéo và cân đối số liệu: Vì việc lập các bảng số liệu ngân sách nhà nước được tập trung vào thời điểm sau khi thực hiện ngân sách, không có nỗ lực nào để điều chỉnh số liệu ngân sách nhằm biên soạn số liệu Thống kê tài chính chính phủ tổng thể với quy mô, thời gian hạch toán, đánh giá phân tổ cần thiết cho chính sách tài chính, để cân đối với thống kê kinh tế vĩ mô khác và với các tiêu chuẩn quốc tế.  Sửa đổi chính sách:  Số liệu sơ bộ hàng tháng không được điều chỉnh. Số liệu hàng quý đã được công bố trong nước, số liệu các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ không được điều chỉnh. Số liệu hàng năm (ước thực hiện lần 1) được lậpvàotháng 10-11 năm hiện hànhvà được đánh giá lại (ước thực hiện lần 2) vào tháng 4-5 năm sau, số liệu quyết toán khi các tài khoản quyết  toán được đưa ra (18 tháng sau khi kết thúc năm). |
|  | **3.3.2. Các quy trình thống kê khác** |
|  |  |
| **3.4. Tính hợp lệ của số liệu** | **3.4.1. Tính hợp lệ của các số liệu trung gian** |
|  | **Bộ Tài chính**  Dữ liệu thống kê tài chính đều được tổng hợp từ các nguồn chính thống (báo cáo của cơ quan thuế và cơ quan hải quan các cấp, Kho bạc nhà nước, cơ quan tài chính các cấp, ủy ban nhân dân các cấp) nên đảm bảo tính hợp chuẩn của dữ liệu cuối cùng. |
|  | **3.4.2. Đánh giá số liệu trung gian** |
|  | **Bộ Tài Chính**  Có tiến hành đối chiếu giữa nguồn số liệu để tính các chỉ tiêu thống kê tài chính với các nguồn số liệu độc lập khác, việc đối chiếu được thực hiện định kỳ. |
|  | **3.4.3. Đánh giá những chênh lệch trong số liệu và những vấn đề khác trong các đầu ra thống kê** |
|  | **Bộ Tài chính**  Luật NSNN năm 2015 đã được sửa đổi phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo tính thống nhất, toàn diện, rõ ràng, minh bạch,nên không còn có sự chênh lệch về số liệu trong các báo cáo trình cấp có thẩm quyền, báo cáo thống kê và báo cáo công khai ra công chúng. |
| **3.5. Nghiên cứu sửa đổi** | **3.5.1. Nghiên cứu và phân tích những sửa đổi** |
|  |  |
| **4. Khả năng bảo trì** | |
| **4.1.Tính định kỳ và  kịp thời** | **4.1.1. Tính định kỳ** |
|  | **Bộ Tài chính**  Bảng quản lý ngân sách (lưu hành nội bộ): hàng tháng, quý và năm.  Số liệu NSNN cung cấp cho các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ: hàng quý và năm.  Số liệu NSNN được công bố ra công chúng: quý và hàng năm.  Ngoài ra, hàng tháng, quý, năm, số liệu tổng hợp về thu, chi NSNN được Tổng cục Thống kê công bố trong Báo cáo kinh tế xã hội hàng tháng, quý, năm.  - Theo Luật Quản lý nợ công 2017, số liệu về nợ công được công bố 6 tháng 1 lần.  - Số liệu về tình hình thị trường chứng khoán được cập nhật theo thời gian thực theo diễn biến của thị trường. |
|  | **4.1.2. Tính kịp thời** |
|  | **Bộ Tài chính**  1. Thông tin ngân sách nhà nước:  - Các bảng quản lý ngân sách: Các bảng số liệu sơ bộ hàng tháng và hàng quý được báo cáo định kỳ. Các bảng số liệu ước thực hiện năm được báo cáo 2 lần: lần thứ nhất vào khoảng tháng 10-11 của năm đánh giá, lần thứ hai vào khoảng tháng 4-5 của năm sau. Các bảng số liệu quyết toán năm được báo cáo trễ 18 tháng.  - Các bảng cung cấp cho các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ: Các bảng số liệu sơ bộ hàng quý được cung cấp trong vòng 4 tuần sau khi kết thúc quý. Các bảng số liệu ước thực hiện năm được cung cấp 2 lần: lần thứ nhất vào khoảng tháng 12 của năm đánh giá, lần thứ hai vào khoảng tháng 5-6 của năm sau. Các bảng số liệu quyết toán năm được cung cấp trong vòng 30 ngày sau khi Quốc hội phê chuẩn báo cáo quyết toán.  - Công bố số liệu ra công chúng:  + Dự thảo dự toán NSNN trình Quốc hội được công khai chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, UBND gửi đại biểu HĐND;  + Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định; Quyết toán ngân sách được Quốc hội phê chuẩn được công khai chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành.  + Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.  + Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội.  2. Thông tin về nợ công: theo Luật quản lý nợ công, số liệu về nợ công được công bố 6 tháng 1 lần với độ trễ 6 tháng.  3. Thông tin về thị trường chứng khoán: Số liệu về tình hình thị trường chứng khoán được cập nhật theo thời gian thực theo diễn biến của thị trường. |
| **4.2. Tính thống nhất** | **4.2.1. Tính thống nhất trong từng lĩnh vực** |
|  | **Bộ Tài chính**  Số liệu thống kê thu NSNN được phân loại thống nhất theo loại hình và thành phần kinh tế (thu nội địa – chi tiết theo thành phần kinh tế, thu từ dầu thô, thu cân đối ngân sách từ hoạt động XNK, thu viện trợ) và phân theo nội dung kinh tế (thu thuế, phí và lệ phí, viện trợ).Chi ngân sách được phân loại theo lĩnh vực chi (chức năng của chính phủ) như giáo dục, y tế…, theo nội dung kinh tế (thường xuyên, đầu tư, chi trả nợ lãi, viện trợ…) và theo đơn vị hành chính (bộ, các cơ quan trung ương). |
|  | **4.2.2. Tính thống nhất tạm thời** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Thống kê theo giá trị hiện hành và các số liệu báo cáo định kỳ (quý, năm) được đánh giá theo thời kỳ phù hợp, số liệu báo cáo năm có đánh giá lại và số liệu báo cáo quyết toán là số liệu cuối cùng.  - Không có các điều chỉnh số liệu theo mùa vụ. |
|  | **4.2.3. Tính thống nhất liên ngành và liên thông lĩnh vực** |
|  | Số liệu thống kê tài chínhcơ bản đảm bảo phù hợp với các chuẩn mực nhất định của SNA. |
| **4.3. Thực hiện sửa đổi** | **4.3.1. Kế hoạch sửa đổi** |
|  | **Bộ Tài chính**  Hệ thống thống kê tài chính được nghiên cứu và từng bước sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đất nước, cũng như hội nhập kinh tế quốc tế.  Luật NSNN năm 2015 phân loại, cập nhật lại hệ thống kê tài chính chính phủ theo chuẩn mực quốc tế. |
|  | **4.3.2. Số liệu sơ bộ và/hoặc số liệu sửa đổi phải được xác định rõ ràng** |
|  | **Bộ Tài chính**  Các bảng được công bố chỉ rõ các số liệu là dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, dự toán đã được quyết định, ước thực hiện (quý, năm) hay số liệu quyết toán đã được phê duyệt. |
|  | **4.3.3. Phổ biến những nghiên cứu và phân tích về sửa đổi** |
|  | **Bộ Tài chính**  Các sửa đổi và nghiên cứu về thống kê tài chínhhiện hành đều có thể được cập nhật và được truy cập từ các trang web của các đơn vị, như thống kê tài chính chính phủ thì có thể tìm trên trang www.mof.gov.vn. |
| **5. Khả năng tiếp cận số liệu** | |
| **5.1. Tiếp cận với số liệu** | **5.1.1. Trình bày số liệu thống kê** |
|  | **Bộ Tài chính**  1. Thông tin về NSNN:  Công khai trong nước:  Bảng số liệu ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công khai (dự toán trình Quốc hội, dự toán được Quốc hội quyết định và quyết toán ngân sách được Quốc hội phê chuẩn hàng năm): Số liệu thu ngân sách nhà nước phân theo loại hình thu và thành phần kinh tế (thu nội địa – chi tiết theo thành phần kinh tế, thu từ dầu thô, thu cân đối ngân sách từ hoạt động XNK, thu viện trợ) và theo nội dung kinh tế (thuế, phí, lệ phí, viện trợ); số liệu chi ngân sách phân theo đầu tư, thường xuyên, chi trả nợ lãi, viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; chi ngân sách của từng Bộ, cơ quan trung ương phân theo đầu tư, thường xuyên và theo một số lĩnh vực chính như: giáo dục, y tế, nghiên cứu khoa học…; thu chi và cân đối NSĐP được chi tiết cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.  Đối với số liệu công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN trong năm (quý, 6 tháng, cả năm): Số liệu thu NSNN phân theo thành phần kinh tế, chi NSNN phân theo nội dung chi (chi đầu tư, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, viện trợ,…).  Số liệu năm được Bộ Tài chính cung cấp cho Bộ Kế hoạch và đầu tư (Tổng cục Thống kê) để đưa vào ấn phẩm “Niên giám thống kê” (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) xuất bản hàng năm.  Đồng thời, Bộ Tài chính biên tập, công khai các nội dung sau:  - Số liệu công khai dự toán và quyết toán ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong cả nước theo mẫu quy định tại các văn bản hướng dẫn việc thực hiện công khai.  - Cuốn sách ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm trong đó có đánh giá về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm hiện hành và dự toán ngân sách nhà nước năm sau.  - Ngân sách dành cho công dân  Công khai quốc tế:Bảng số liệu ngân sách nhà nước hàng quý và hàng năm Bộ Tài chính cung cấp cho các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ nhìn chung phù hợp với Cẩm nang Thống kê Tài chính Chính phủ (GFSM1986) tuy vẫn chưa thực sự phân loại chi tiết giống với GFSM1986 gồm:(i) Các khoản thu được phân tổ vào mục thu thuế và phí (được phân nhỏ thành các khoản thuế chủ chốt), thu quyền sử dụng đất, bán nhà và các khoản viện trợ không hoàn lại; (ii) Các khoản chi được phân tổ theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên (được chi tiết theo lĩnh vực, bao gồm cả chi trả lãi).  **2. Thông tin về nợ công:** được công bố tại bản tin Nợ công theo dạng bảng số liệu  **3. Thông tin về thị trường Chứng khoán:** tình hình về thị trường Chứng khoán được cập nhật trên trang điện tử của các Sở GD chứng khoán dưới cả dạng bảng và biểu đồ. |
|  | **5.1.2. Phương tiện và hình thức phổ biến số liệu** |
|  | Số liệu thống kê tại Bộ Tài chính được phổ biến bằng cả bản giấy và bản điện tử đăng tải trên trang điện tử của Bộ và trang điện tử của các đơn vị thuộc Bộ. |
|  | **5.1.2.1. Bản giấy - Số liệu mới công bố** |
|  |  |
|  | **5.1.2.2. Bản giấy - Bản tin tuần** |
|  |  |
|  | **5.1.2.3. Bản giấy - Bản tin tháng** |
|  |  |
|  | **5.1.2.4. Bản giấy - Bản tin quý** |
|  |  |
|  | **5.1.2.5. Bản giấy - Loại khác** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố công khai số liệu ngân sách nhà nước (dự toán và quyết toán) được gửi theo đường công văn cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.  - Niên giám thống kê tóm tắt của Tổng cục Thống kê, tiếng Anh và tiếng Việt.  - Niên giám thống kê đầy đủ của Tổng cục Thống kê, tiếng Anh và tiếng Việt.  - Báo cáo thường niên của Bộ Tài chính, tiếng Anh và tiếng Việt.  - Bản tin nợ công, tiếng Anh và tiếng Việt.  - Báo cáo thường niên của Ủy ban Chứng khoán nhà nước.  - Tạp chí chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán nhà nước |
|  | **5.1.2.6. Bản điện tử - Bản tin hoặc số liệu điện tử** |
|  | **Bộ Tài chính**  1. Đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính:  - Số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán NSNN trình Quốc hội  - Số liệu công khai dự toán NSNN được Quốc hội quyết định  - Số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn  - Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý, 6 tháng, năm  - Số liệu công khai dự toán và quyết toán ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương  - Báo cáo Ngân sách Việt Nam, trong đó đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và thực hiện NSNN của năm hiện hành, dự báo tình hình kinh tế - xã hội và dự toán NSNN của năm tiếp theo  - Báo cáo Ngân sách dành cho công dân  - Số liệu ngân sách hàng quý và năm (phân loại theo GFS) cung cấp cho các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ  - Bản tin nợ công  2. Báo cáo thường niên của Ủy ban Chứng khoán nhà nước được đăng tải trên trang điện tử của Ủy ban Chứng khoán nhà nước.  3. Đăng tải trên Cổng thông tin nội bộ của Bộ Tài chính:  - Niên giám thống kê tài chính  - Báo cáo thường niên Bộ Tài chính |
|  | **5.1.2.7. Bản điện tử - Loại khác** |
|  |  |
|  | **5.1.3. Lịch công bố số liệu trước** |
|  | **Bộ Tài chính**  Thông tư số 343/2016/TT-BTC và Thông tư số 61/2017/TT-BTC quy định thời điểm các cấp ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được NSNN hỗ trợ thực hiện công khai số liệu trình Quốc hội, HĐND các cấp; dự toán được Quốc hội, HĐND quyết định; báo cáo thực hiện quý (06 tháng, năm); quyết toán được Quốc hội, HĐND phê chuẩn.  Quyết định số 749/QĐ-BTC có qui định thời gian cụ thể Bộ Tài chính công bố số liệu NSNN. |
|  | **5.1.4. Công bố đồng thời** |
|  | **Bộ Tài chính**  Các số liệu dự toán, quyết toán hàng năm được công bố cho công chúng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ. Ngoài ra, số liệu dự toán và quyết toán hàng năm được công bố trên Niên giám Thống kê của Tổng cục thống kê, thông qua ấn phẩm của IMF Niên giám Thống kê tài chính chính phủ (GFSY) và Thống kê tài chính Quốc tế (IFS). |
|  | **5.1.5. Phổ biến thông tin theo yêu cầu** |
|  |  |
| **5.2. Siêu dữ liệu** | **5.2.1. Phổ biến tài liệu về khái niệm, phạm vi, bảng phân ngành, cơ sở ghi chép, nguồn số liệu và các kỹ thuật thống kê** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật có đưa ra các khái niệm cơ bản về hệ thống ngân sách nhà nước, thu, chi, bội chi NSNN,…; phân định rõ nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; nguyên tắc hạch toán, kế toán và các biểu mẫu báo cáo dùng cho các cấp ngân sách.  - Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và Thông tư số 18/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính quy định hệ thống danh mục điện tử dùng chung trong lĩnh vực tài chính.  - Thông tư số 65/2018/TT-BTC ngày 31/7/2018 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính và Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài chính quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính. |
| **5.3. Hỗ trợ cho người dùng tin** | **5.3.1. Phổ biến thông tin về đầu mối liên lạc** |
|  | **Bộ Tài chính**  Địa chỉ, điện thoại, thư điện tử của các đơn vị thuộc Văn phòng Bộ Tài chính được phổ biến trên Cổng thông tin điện tửcủa Bộ Tài chính; trong danh bạ điện thoại của ngành tài chính.  Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính thiết lập tiểu mục “Hỏi - đáp về ngân sách nhà nước” (nằm trong mục “Hỏi đáp về chính sách tài chính”) để tiếp nhận các câu hỏi và trả lời các câu hỏi về ngân sách nhà nước nói chung và thống kê ngân sách nhà nước nói riêng. |
|  | **5.3.2. Tính sẵn có của Ca-ta-lô về các tài liệu và dịch vụ** |
|  | **Bộ Tài chính**  Các ấn phẩm về thống kê tài chính của Bộ Tài chính nặng về nghiệp vụ chuyên môn, chưa mang tính thương mại nên chưa thực hiện in catalo và dịch vụ thuê ngoài. |
| **9. Các kế hoạch** | |
| **9.1. Gần đây** | **9.1.1. Các kế hoạch cải tiến - Cải tiến gần đây** |
|  | **Luật NSNN năm 2015**  - Luật NSNN 2015 đã được sửa đổi phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, hệ thống chỉ tiêu số liệu được nhất quán từ khâu lập dự toán ngân sách, thực hiện, quyết toán ngân sách; qua đó giúp cho việc đánh giá hiệu quả thu, chi ngân sách nhà nước, cũng như việc so sánh đánh giá với các nước trong khu vực và thế giới. Cụ thể:  - Về phạm vi ngân sách: Phạm vi thu chi NSNN được quy định một cách đầy đủ, toàn diện, trong đó thu NSNN bao gồm toàn bộ các khoản phí, lệ phí trừ một số khoản phí của Nhà nước giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thu thì được phép trích lại toàn bộ hoặc một phần. Một số khoản thu chi trước đây được hạch toán riêng như thu chi từ xổ số kiến thiết, chi đầu tưtừ nguồn trái phiếu Chính phủ đã được đưa vàocân đối ngân sách thay vì để dưới dòng như Luật NSNN năm 2002. Thu NSĐP không bao gồm thu huy động khoản 3 Điều 8 (đây là khoản vay của địa phương). Ngoài ra, việc loại bỏ chi trả nợ gốc khỏi tổng chi, cũng đã khiến bội chi NSNN của Việt Nam sát hơn với các phân loại của thông lệ quốc tế (GFSM1986).  Bội chi NSNN bao gồm bội chi NSTW và bội chi NSĐP cấp tỉnh.Bội chi NSTW được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi NSTW không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu NSTW. Bội chi NSĐP cấp tỉnh là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh (không bao gồm chi trả nợ gốc) và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương.  - Về phân loại ngân sách: Có sửa đổi hệ thống phân loại chi, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản được phân theo 13 lĩnh vực và thống nhất với phần chi thường xuyên. Như vậy, việc đánh giá hiệu quả đầu tư của Chính phủ cho các ngành lĩnh vực được ưu tiên trong từng giai đoạn xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.  - Luật NSNN 2015 tăng cường thêm tính kịp thời, công khai minh bạch của NSNN thông qua công bố dự toán NSNN (số liệu và thuyết minh) trình Quốc hội, HĐND chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội, UBND gửi đại biểu HĐND;  - Tăng cường công bố thông tin thực hiện ngân sách quý, năm.  - Bên cạnh đó, việc quy định mới trong Luật NSNN năm 2015, đã giúp cho việc công khai ngân sách nhà nước được phản ánh toàn diện từ khâu dự thảo dự toán ngân sách đến chấp hành, quyết toán và kiểm toán ngân sách. Luật NSNN năm 2015 bổ sung thêm việc công khai đề xuất dự toán trình Quốc hội, tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý, 06 tháng và cả năm, đã tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình đề xuất dự toán ngân sách đến thực hiện và quyết toán ngân sách nhà nước.  - Các báo cáo, thuyết minh dự thảo dự toán ngân sách, thực hiện và quyết toán ngân sách cũng được công khai đi kèm với số liệu, nhằm tạo điều kiện cho việc công khai gắn với minh bạch và trách nhiệm giải trình ngân sách sách;  - Luật NSNN năm 2015 cũng quy định việc lập kế hoạch tài chính trung hạn 03 năm cuốn chiếu, qua đó giúp cho người dân và các tổ chức dân sự có cái nhìn tổng quan trong một giai đoạn trung hạn về ngân sách nhà nước;  - Vai trò giám sát của người dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đối với công tác quản lý ngân sách, cũng như việc thực hiện công khai ngân sách cũng được quy định cụ thể trong luật NSNN năm 2015. |
| **9.2. Kế hoạch chung** | **9.2.1. Kế hoạch cải tiến - ngắn hạn** |
|  | **Bộ Tài chính**  - Thực hiện xây dựng Cẩm nang thống kê tài chính chính phủ của Việt Nam và cập nhật bảng chuyển đổi từ hệ thống mục lục NSNN mới của Việt Nam sang hệ thống GFS2014 để làm tiền đề cho việc thực hiện chuyển đổi số liệu sang hệ thống GFS2014.  - Theo Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 về Báo cáo tài chính nhà nước, năm 2019 sẽ bắt đầu lập Báo cáo Tài chính nhà nước đầu tiên trên cơ sở số liệu tài chính ngân sách năm 2018” |
|  | **9.2.2. Kế hoạch cải tiến - trung hạn:** |
|  | **Bộ Tài chính**  Thực hiện chuyển đổi các số liệu thống kê của Việt nam sang GFSM2001 và GFSM cập nhật 2014.  Trong tương lai Bộ Tài chính sẽ có nghiên cứu về việc phổ biến số liệu tiêu chuẩn riêng (SDDS). |
| **9.3. Tài chính** | **9.3.1. Kế hoạch cải tiến - Trợ giúp kỹ thuật/tài chính - ngắn hạn** |
|  | Trợ giúp kỹ thuật của WB, IMF trong việc hoàn chỉnh hệ thống thống kê tài chính chính phủ.  Bộ Tài chính đang nghiên cứu và hoàn chỉnh hệ thống thống kê tài chính chính phủ theo phương pháp luận của GFSMs. |
|  | **9.3.2. Kế hoạch cải tiến - Trợ giúp kỹ thuật/tài chính – Trung hạn** |
|  | Trong giai đoạn 2017-2020: Thông qua Chương trình hỗ trợ tư vấn và phân tích về quản lý tài chính công Việt Nam (AAA) do Ngân hàng Thế giới, Chính phủ Thụy Sỹ và Canada tài trợ; cùng với hỗ trợ của chuyên gia IMF sẽ tiếp tục nghiên cứu và cập nhật phương pháp thống kê của Việt Nam để dần chuyển đổitheo thông lệ quốc tế GFSM2001, GFSM cập nhật 2014.  Thực hiện dự án “Tăng cường năng lực tạo lập và khai thác thông tin công khai ngân sách chất lượng cao cho nhiều người dùng tin qua việc xây dựng hệ thống công khai ngân sách nhà nước do WB tài trợ. Kết quả của dự án nhằm cải thiện năng lực tạo lập và cung cấp thông tin tài chính chất lượng cao. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đối tác liên hệ** | |
| **1.** Họ và tên: | Ông Hoàng Xuân Nam |
| Chức vụ: | Phó Cục trưởng |
| Cơ quan: | Cục Tin học và Thống kê tài chính - Bộ Tài chính |
| Địa chỉ: | 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại: | (84)(04) 22202828 (2066) |
| Fax: |  |
| E-mail: | [hoangxuannam@mof.gov.vn](mailto:hoangxuannam@mof.gov.vn) |
|  |  |
| **2.** Họ và tên: | Bà Nguyễn Thu Hà |
| Chức vụ: | Phó Trưởng phòng Thống kê |
| Cơ quan: | Cục Tin học và Thống kê tài chính - Bộ Tài chính |
| Địa chỉ: | 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại: | (84)(04) 22202828 (2104) |
| Fax: |  |
| E-mail: | [nguyenthuha1@mof.gov.vn](mailto:nguyenthuha1@mof.gov.vn) |
|  |  |
| **3.** Họ và tên: | Ông Nguyễn Minh Tân |
| Chức vụ: | Phó Vụ trưởng |
| Cơ quan: | Vụ Ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính |
| Địa chỉ: | 28 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại: | (84)(04) 22202828 (3177) |
| Fax: | (84)(04) 22208053 |
| E-mail: | [nguyenminhtan@mof.gov.vn](mailto:vothanhhung@mof.gov.vn) |
|  |  |
| **4.** Họ và tên: | Bà Đinh Thị Mai Anh |
| Chức vụ: | Phó trưởng phòng Thống kê |
| Cơ quan: | Vụ Ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính |
| Địa chỉ: | 28 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại: | (84)(04) 22202828 (3143) |
| Fax: | (84)(04) 22208053 |
| E-mail: | [dinhmaianh@mof.gov.vn](mailto:trankimhien@mof.gov.vn) |